

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTHĐND-VP

Điện Biên, ngày tháng 8 năm 2022

V/v xin ý kiến tham gia các nội
dung đề xuất sửa đổi, bổ sung
Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND
của Hội đồng nhân dân tỉnh

Kính gửi:

.....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Sau khi xem xét Báo cáo của Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố và đề nghị của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tại Văn bản số 292/VP-CTHĐND ngày 22/8/2022 V/v tổng hợp, đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Để có cơ sở xem xét, quyết định trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh gửi, xin ý kiến Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung (có Biểu tổng hợp chi tiết gửi kèm văn bản này).

Đề nghị Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố tham gia ý kiến trực tiếp vào Biểu và gửi về Thường trực HĐND tỉnh (qua Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh) khi Hội nghị giải lao giữa buổi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- LĐ VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
CHỦ TỊCH**



Lò Văn Phương

TỔNG HỢP ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH, MỨC CHI BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA HỌND CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Văn bản số: 155/TTHỌND-VP ngày 25/8/2022 của Thường trực HỌND tỉnh)

ST T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo NQ số 48/2016/NQ-HỌND			Đề xuất điều chỉnh, bổ sung			So sánh với mức chi của Quốc hội và một số tỉnh có điều kiện tương tự ¹				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Mức đề nghị mới			Mức chi của QH, UBND Quốc hội, HĐND, các UBND, ...	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã					
I	Kỳ họp HỌND												
1	Chi bồi dưỡng kỳ họp của HỌND												
1.1	Đại biểu HỌND, thành phần mời dự kỳ họp ²	Đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000	150.000	100.000	70.000	150.000	100.000-200.000	100.000-150.000	70.000-100.000	Đại biểu mời dự chính Kỳ họp QH là 100.000/người/buổi
1.2	Nhân viên phục vụ	Đồng/người/buổi	70.000	50.000	30.000	100.000	70.000	50.000	100.000	100.000-150.000	70.000-100.000	50.000-70.000	
1.3	Các nội dung đề nghị bổ sung												
	- Chủ tọa kỳ họp	Đồng/người/buổi	Chưa quy định			Mức chi bằng 2 lần Đại biểu HỌND, thành phần mời dự kỳ họp							
	- Thư ký kỳ họp		Chưa quy định			Mức chi bằng 1,5 lần Đại biểu HỌND, thành phần mời dự kỳ họp							
2	Chế độ ăn, nghỉ												
	Chi hỗ trợ tiền ăn, nghỉ cho các đại biểu HỌND, đại biểu mời ở xa trên 10km khi đăng ký ăn, nghỉ; đại biểu không đăng ký ăn, nghỉ không được thanh toán.												
-	Chi hỗ trợ tiền ăn cho các đại biểu HỌND và đại biểu mời dự kỳ họp ³	Đồng/người/ngày	200.000	150.000	100.000	300.000	200.000	150.000	300.000	250.000-400.000	150.000-200.000	140.000-150.000	
-	Chi hỗ trợ tiền nghỉ cho các đại biểu HỌND và đại biểu mời dự kỳ họp					Mức chi tiền phòng nghỉ thực hiện theo khoản 3, Điều 7, Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính			Theo khoản 3, Điều 7, Thông tư số 40/2017	Theo quy định hiện hành của nhà nước			
-	Đề nghị bổ sung mới												
	Hỗ trợ tiền ăn bữa tổng kết kỳ họp (Nếu có)	Đồng/người	Chưa quy định			Mức chi bằng mức chi 1 ngày hỗ trợ tiền ăn cho các đại biểu HỌND và đại biểu mời dự kỳ họp							

Ghi chú: Nếu Kỳ họp HỌND, Hội nghị của Thường trực HỌND diễn ra trong ngày nghỉ, ngày lễ thì mức chi bồi dưỡng bằng 200% mức chi trong ngày thường

¹ Sơn La, Lào Cai, Hòa Bình, Nghệ An.....(mới ban hành năm 2021).

² Các tỉnh tách riêng chủ tọa, thư ký, đại biểu (chủ tọa, thư ký mức cao nhất là 500k và 300k); một số tỉnh không chi cho đại biểu chi chi cho chủ tọa và thư ký (Hòa Bình, Nghệ An); có tỉnh không có nội dung chi này (Lào Cai)

³ Nghệ An quy định cụ thể cho cán bộ, chuyên viên trực tiếp phục vụ: lái xe và lực lượng phục vụ gián tiếp.

ST T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo NQ số 48/2016/NQ- HĐND			Đề xuất điều chỉnh, bổ sung Mức đề nghị mới			So sánh với mức chi của Quốc hội và một số tỉnh có điều kiện tương tự ¹				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Mức chi của QH, UBND Quốc hội, HĐDT, các UBND, ...	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
3	Chi công tác xây dựng, thẩm tra Báo cáo, Đề án và dự thảo nghị quyết												
3.1	Xây dựng dự thảo nghị quyết do Thường trực HĐND trình tại kỳ họp (<i>không phải văn bản QPPL</i>).												
	- Đối với dự thảo Nghị quyết được xây dựng mới, thay thế	Đồng/nghị quyết	1.500.000	1.000.000	700.000	2.000.000	1.500.000	1.000.000		2.000.000- 2.500.000	1.000.000 -	500.000 -	
	- Đối với dự thảo Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, bãi bỏ.	Đồng/nghị quyết	1.500.000	1.000.000	700.000	1.500.000	1.000.000	700.000		2.000.000- 2.500.000	1.000.000 -	500.000 -	
3.2	Chi cho các Ban thẩm tra Báo cáo, Đề án và dự thảo Nghị quyết												
	- Đối với Báo cáo, Đề án, dự thảo Nghị quyết được xây dựng mới, thay thế.	Đồng/báo cáo thẩm tra	1.500.000	1.000.000	700.000	2.000.000	1.500.000	1.000.000	4.500.000- 7.500.000	500.000- 3.000.000	300.000- 1.500.000	100.000- 350.000	
	- Đối với Báo cáo, Đề án, dự thảo Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, bãi bỏ.		1.500.000	1.000.000	700.000	1.500.000	1.000.000	700.000	3.600.000- 6.000.000	2.000.000- 2.500.000	1.000.000 -	500.000 -	
3.3	Chi cho các Ban phối hợp thẩm tra Báo cáo, Đề án và dự thảo Nghị quyết ⁴												
	- Đối với Báo cáo, Đề án, dự thảo Nghị quyết được xây dựng mới, thay thế	Đồng/báo cáo	750.000	500.000	Chưa quy định	750.000	500.000	350.000	Bằng 50% mức chi cơ quan chủ trì				Bổ sung cho cấp xã; cấp tỉnh, cấp huyện đã được quy định tại NQ số 48/2016
	- Đối với Báo cáo, Đề án, dự thảo Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, bãi bỏ.	Đồng/báo cáo	750.000	500.000	Chưa quy định	750.000	500.000	350.000					
3.4	Các Ban giải trình, tiếp thu, chính lý, hoàn thiện Nghị quyết trước khi trình HĐND biểu quyết	Đồng/nghị quyết	700.000	500.000	350.000	700.000	500.000	350.000	Bằng mức chi thẩm tra	300.000- 2.000.000	200.000- 800.000	100.000 -	

⁴ Các tỉnh không tách riêng cho các Ban phối hợp.

ST T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo NQ số 48/2016/NQ-HĐND			Đề xuất điều chỉnh, bổ sung			So sánh với mức chi của Quốc hội và một số tỉnh có điều kiện tương tự ¹				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Mức đề nghị mới			Mức chi của QH, UBND Quốc hội, HĐND, các UBND, ...	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã					
3.5	- Đề nghị bổ sung: Báo cáo của Thường trực giải trình, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Nghị quyết trước khi trình HĐND biểu quyết	Đồng/văn bản	Chưa Quy định			700.000	500.000	350.000	Bảng mức chi thẩm tra	300.000-2.000.000	200.000-1000.000	100.000-500.000	
4	Thảo luận của các Tổ đại biểu HĐND tại kỳ họp												
-	Báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu HĐND tại kỳ họp	Đồng/báo cáo	500.000	350.000	250.000	500.000	350.000	250.000	3.000.000	150.000-2.000.000	100.000-1000.000	70.000-500.000	
5	Đề nghị bổ sung nội dung: xây dựng báo cáo, văn bản của kỳ họp												
5.1	- Biên bản kỳ họp	Đồng/văn bản	Chưa Quy định			1.000.000	700.000	500.000	3.000.000				
5.2	- Đề cương Báo cáo kết quả kỳ họp phục vụ đại biểu tiếp xúc cử tri	Đồng/văn bản	Chưa Quy định			500.000	350.000	250.000	3.000.000	2.000.000	1.000.000	500.000	
5.3	Báo cáo đánh giá kết quả kỳ họp	Đồng/văn bản	Chưa Quy định			500.000	350.000	250.000	3.000.000	2.000.000	1.000.000	500.000	
II.	Hội nghị của Thường trực HĐND												
1	Chi bồi dưỡng hội nghị của Thường trực HĐND												
1.1	Đại biểu HĐND, thành phần mời dự hội nghị	Đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000	150.000	100.000	70.000		100.000-200.000	100.000-150.000	70.000-100.000	
1.2	Nhân viên phục vụ	Đồng/người/buổi	70.000	50.000	30.000	100.000	70.000	50.000		100.000-150.000	70.000-100.000	50.000-70.000	
1.3	Các nội dung đề nghị bổ sung:												
-	Chủ tọa Hội nghị	Đồng/người/buổi	Chưa Quy định			Mức chi bằng 2 lần Đại biểu HĐND, thành phần mời dự kỳ họp							
-	Báo cáo kết quả, Kết luận Hội nghị	Đồng/văn bản	Chưa quy định			1.000.000	700.000	500.000					

ST T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo NQ số 48/2016/NQ-HĐND			Đề xuất điều chỉnh, bổ sung			So sánh với mức chi của Quốc hội và một số tỉnh có điều kiện tương tự ¹				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Mức chi của QH, UBND Quốc hội, HĐND, các UBND, ...	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
	- Chi xây dựng Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ, tổng kết nhiệm kỳ của Thường trực HĐND, các Ban HĐND	Đồng/văn bản	Chưa quy định			1.000.000	700.000	500.000	1.800.000-5.000.000	500.000-2.000.000	300.000-1500.000	200.000 - 1.000.000 0	QH, UBND và một số tỉnh tách riêng mức chi cho từng loại văn bản
2	Viết bài tham luận												
-	Viết bài, tham luận của người có kinh nghiệm trong các lĩnh vực phục vụ hoạt động của HĐND (khi Thường trực HĐND, Lãnh đạo các Ban HĐND đặt bài tham luận).	Đồng/bài	300.000	200.000	140.000	500.000	300.000	200.000					
-	Viết bài tham luận cấp khu vực	Đồng/bài	1.500.000	Không quy định		1.500.000	không đề xuất						
-	Viết bài tham luận hai cấp tỉnh - huyện	Đồng/bài	1.000.000	Chưa quy định		1.000.000	700.000	500.000					
-	Viết bài tham luận hai cấp huyện - xã	Đồng/bài	700.000	Chưa quy định		700.000	500.000	300.000					
3	Chế độ ăn, nghỉ												
	Chi hỗ trợ tiền ăn, nghỉ cho các đại biểu HĐND, đại biểu mời ở xa trên 10km khi đăng ký ăn, nghỉ; đại biểu không đăng ký ăn, nghỉ không được thanh toán.												
-	Chi hỗ trợ tiền ăn cho các đại biểu HĐND và đại biểu mời dự hội nghị	Đồng/người/ ngày	200.000	150.000	100.000	300.000	200.000	150.000	300.000	250.000-400.000	150.000-200.000	140.000 - 150.000	
-	Chi hỗ trợ tiền nghỉ cho các đại biểu HĐND và đại biểu mời dự hội nghị					Mức chi tiền phòng nghỉ thực hiện theo khoản 3, Điều 7, Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính			Theo khoản 3, Điều 7, Thông tư số 40/2017	Theo quy định hiện hành của nhà nước			
	- Đề nghị bổ sung mới: Hỗ trợ tiền ăn bữa tổng kết Hội nghị (Nếu có)	Đồng/người	Chưa quy định			Mức chi bằng mức chi 1 ngày hỗ trợ tiền ăn cho các đại biểu HĐND và đại biểu mời dự Hội nghị							

ST T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo NQ số 48/2016/NQ-HĐND			Đề xuất điều chỉnh, bổ sung			So sánh với mức chi của Quốc hội và một số tỉnh có điều kiện tương tự ¹				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Mức đề nghị mới			Mức chi của QH, UBND Quốc hội, HĐND, các UBND, ...	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã					
III	Hoạt động giám sát, khảo sát												
1	Đối với giám sát												
-	Soạn thảo Quyết định, kế hoạch, đề cương giám sát	Đồng/cuộc	500.000	350.000	250.000	1.000.000	700.000	500.000	1.200.000-2.000.000	500.000-2.000.000	300.000-1.500.000	200.000-1.000.000	QH, UBND tách riêng việc thành lập đoàn (bao gồm kế hoạch và nội dung giám sát) và xây dựng đề cương.
-	Soạn thảo, hoàn thiện Báo cáo kết quả giám sát	Đồng/cuộc	700.000	500.000	350.000	1.500.000	1.000.000	700.000	Từ 1.200.000-2.000.000/báo cáo cho từng đợt; từ 4.500.000-7.500.000/báo cáo chung	500.000-2.500.000	300.000-2.000.000	200.000-1.500.000	Mức chi cho các cơ quan thuộc Quốc hội, các Đoàn ĐBQH bằng 60% định mức chi cho QH và UBND
2	Chi bồi dưỡng giám sát												
-	Đại biểu HĐND, Thành viên chính thức của Đoàn giám sát.	Đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000	150.000	100.000	70.000	200.000 ⁵	100.000-200.000	100.000-150.000	70.000-1000	
-	Nhân viên phục vụ	Đồng/người/buổi	70.000	50.000	35.000	100.000	70.000	50.000	80.000	70.000-100.000	50.000-80.000	50.000-70.000	
3	Các nội dung đề nghị bổ sung												
3.1	Chi bồi dưỡng giám sát, khảo sát												
-	Trưởng đoàn, Phó đoàn giám sát, khảo sát	Đồng/người/buổi	Chưa Quy định			200.000	150.000	100.000	200.000	200.000	150.000	100.000	

⁵ Ngoài chế độ công tác phí theo quy định; tách riêng trưởng đoàn 200.000; thành viên đoàn 100.000/người/buổi.

ST T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo NQ số 48/2016/NQ- HĐND			Đề xuất điều chỉnh, bổ sung			So sánh với mức chi của Quốc hội và một số tỉnh có điều kiện tương tự ¹				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Mức đề nghị mới			Mức chi của QH, UBND Quốc hội, HĐDT, các UBND, ...	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã					
-	Đại biểu HĐND, Thành viên chính thức của Đoàn khảo sát	Đồng/người/ buổi	Chưa Quy định			150.000	100.000	70.000	100.000	100.000- 150.00	100.000	70.000	
-	Nhân viên phục vụ Đoàn khảo sát (Phóng viên, lái xe)	Đồng/người/ buổi	Chưa Quy định			100.000	70.000	50.000	80.000	80.000- 100.00	70.000	50.000	
3.2	Chi xây dựng văn bản khảo sát												
-	Chi xây dựng kế hoạch, quyết định thành lập đoàn khảo sát, đề cương khảo sát; báo cáo kết quả khảo sát.	Đồng/cuộc	Chưa quy định			700.000	500.000	350.000	1.200.000- 5.000.000	500.000- 1.000.000	300.000	200.000	QH, UBND và một số tỉnh tách riêng mức chi cho từng loại văn bản
3.3	Chi hoạt động chất vấn, giải trình tại Phiên họp của Thường trực HĐND												
-	Xây dựng kế hoạch phiên giải trình, chất vấn	Đồng/văn bản	Chưa Quy định			500.000	350.000	250.000	1.000.000 ⁶ - 2.000.000	1.000.000	700.000	500.000	
-	Xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giải trình, chất vấn	Đồng/văn bản	Chưa Quy định			500.000	350.000	250.000	1.200.000- 3.000.000 ⁷	2.000.000	1.500.000	1.000.000 0	
-	Chi xây dựng nghị quyết hoặc kết luận phiên chất vấn, giải trình	Đồng/văn bản	Chưa Quy định			500.000	350.000	250.000	5.000.000				
IV	Hoạt động tiếp xúc cử tri												
1	Chi hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri (trường hợp có sự phối hợp TXCT nhiều cấp tại một điểm thì hỗ trợ mức chi của HĐND cấp cao nhất. (chi áp dụng cho các tổ đại biểu tiếp xúc cử tri theo chương trình phối hợp	Đồng/điểm	1.500.000	1.000.000	700.000	2.000.000	1.500.000	1000.000	Tối đa không quá 5000.000 đồng/điểm	1.300.000- 4.000.000	1.000.000 - 1.500.000	300.000 - 500.000	

⁶ Chỉ cho giải trình.⁷ Chỉ cho giải trình.

ST T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo NQ số 48/2016/NQ-HĐND			Đề xuất điều chỉnh, bổ sung			So sánh với mức chi của Quốc hội và một số tỉnh có điều kiện tương tự ¹				Ghi chú	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Mức đề nghị mới			Mức chi của QH, UBND Quốc hội, HĐND, các UBND, ...	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã						
	<i>với UBND TQ các cấp)</i>													
2	Chi bồi dưỡng													
	Đại biểu HĐND	Đồng/người/ buổi	100.000	70.000	50.000	150.000	100.000	70.000	7.000.000 đồng/đại biểu/năm	100.000- 200.000	100.000- 150.000	50.000- 100.000		
	Nhân viên phục vụ	Đồng/người /buổi	70.000	50.000	35.000	100.000	70.000	50.000	500.000 đồng/đợt tiếp xúc	70.000- 100.000	50.000- 70.000	50.000		
3	Báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri													
-	Báo cáo của Tổ đại biểu	Đồng/ báo cáo	200.000	150.000	không quy định	200.000	150.000	không đề xuất	300.000 đồng/báo cáo của nhóm	150.000- 500.000	100.000- 300.000	70.000- 200.000		
-	Báo cáo tổng hợp kết quả tiếp xúc cử tri của Thường trực HĐND.	Đồng/ báo cáo	500.000	350.000	250.000	500.000	350.000	250.000	500.000 đồng/báo cáo của Đoàn	500.000- 2.000.000	350.000- 700.000	250.000 - 300.000		
4	Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri thường xuyên cho các đại biểu HĐND	Đồng/tháng	100.000	70.000	50.000	300.000	200.000	150.000		100.000- 250.000	70.000- 100.000	50.000- 70.000		
V	Chi nghiên cứu tài liệu phục vụ hoạt động của HĐND của Đại biểu HĐND	Đồng/người/ tháng	200.000	150.000	100.000	300.000	200.000	150.000		70.000- 200.000	50.000- 150.000	20.000- 100.000		
VI	Chi may lễ phục⁸													
1	Đại biểu HĐND (02 bộ/nhiệm kỳ, đại biểu tham gia HĐND 2 cấp thi được thanh toán một cấp có mức chi cao hơn)	Đồng/người/ bộ	2.500.000	1.800.000	1.300.000	5.000.000			Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Thường trực HĐND cấp huyện xem xét quyết định mức chi may trang phục cho đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã, công chức văn phòng phục vụ trực tiếp bảo đảm theo quy định và mức tối đa không cao hơn cấp tỉnh.	5.000.000	2.500.000- 5000.000	2.000.000 - 4000.000	1.500.000 0- 3.000.000 0	
2	Công chức Văn phòng phục vụ trực tiếp (01 bộ/nhiệm kỳ)	Đồng/người/ bộ	1.500.000	1.050.000	750.000	5.000.000				5.000.000	2.000.000- 4000.000	1.500.000- 3000.000	1.000.000 - 2.000.000 0	

ST T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo NQ số 48/2016/NQ-HĐND			Đề xuất điều chỉnh, bổ sung			So sánh với mức chi của Quốc hội và một số tỉnh có điều kiện tương tự ¹				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Mức đề nghị mới			Mức chi của QH, UBND Quốc hội, HĐND, các UBND, ...	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã					
VII	Chi hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ đại biểu HĐND (đại biểu HĐND tham gia 2 cấp thì được thanh toán một cấp có mức chi cao hơn)	Đồng/người/năm	2.000.000	1.050.000	750.000	2.500.000	1.500.000	1.000.000	5.000.000	1.000.000-3.000.000	700.000-1.500.000	300.000-1.000.000	
VI II	Kinh phí cho các hoạt động văn hóa, thể thao các ngày lễ trong năm	Tổng kinh phí được cấp	0,1%	0,1%	0,1%	0,3%	0,3%	0,3%	0,3-0,5%				
IX	Chi hỗ trợ thông tin												
	Các đại biểu HĐND được cung cấp báo chí, khai thác Internet theo hình thức khoán (đại biểu tham gia HĐND 2 cấp thì được thanh toán một cấp có mức chi cao hơn)	Đồng/đại biểu/tháng	350.000	250.000	180.000	350.000	250.000	180.000	1.000.000	100.000-700.000	100.000-300.000	30.000-200.000	
X	Thăm hỏi đại biểu và thân nhân của đại biểu HĐND; chi công tác xã hội												
1	Đại biểu HĐND												
-	Ôm phải điều trị nội trú tại bệnh viện, khi Thường trực HĐND đến thăm (1 năm không quá 2 lần)	Đồng/người	500.000	350.000	200.000	1.000.000	700.000	500.000	2.000.000	500.000-3.000.000	500.000-1.500.000	300.000-1.000.000	
-	Mắc bệnh hiểm nghèo (1 năm không quá 2 lần)	Đồng/người	1.000.000	700.000	500.000	2.000.000	1.500.000	1.000.000	8.000.000 đồng/người/lần	1000.000-5.000.000	500.000-3.500.000	300.000-2.500.000	
-	Từ trần (Đại biểu nguyên chức và đương chức)	Đồng/người	1.500.000	1.000.000	700.000	1.500.000	1.000.000	700.000	3.000.000	1.000.000-3.000.000	700.000-2.000.000	500.000-1.500.000	
2	Thân nhân của đại biểu HĐND từ trần												
-	Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng), con.	Đồng/người	1.000.000	700.000	500.000	1.500.000	1.000.000	700.000	3.000.000	1.000.000-2.000.000	500.000-1.500.000	300.000-1.000.000	

ST T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo NQ số 48/2016/NQ-HĐND			Đề xuất điều chỉnh, bổ sung			So sánh với mức chi của Quốc hội và một số tỉnh có điều kiện tương tự ¹				Ghi chú	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Mức đề nghị mới			Mức chi của QH, UBTW Quốc hội, HĐND, các UBQH, ...	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã						
3.	Tặng quà đối với các đối tượng chính sách; tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu và lao động; các tập thể thuộc diện chính sách - xã hội (trại điều dưỡng, Làng SOS, Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trường Dân tộc nội trú, Đồn biên phòng.....); tập thể, cá nhân gặp thiên tai, hỏa hoạn												0	
-	Chủ tịch, phó Chủ tịch HĐND tặng quà cho tập thể mức cao nhất không quá	Đồng/lần	3.000.000	2.000.000	1.500.000	3.000.000	2.000.000	1.500.000	3.000.000-10.000.000 ⁹	1.000.000-5.000.000	1.000.000	500.000		
-	Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND tặng quà cho cá nhân mức cao nhất không quá	Đồng /lần	1.000.000	700.000	500.000	1.000.000	700.000	500.000	1.000.000-2.000.000 ¹⁰	500.000-2.000.000	300.000-2.000.000	5.000.000	200.000-2.000.000	
-	Ủy viên Thường trực HĐND tặng quà cho tập thể mức cao nhất không quá	Đồng/lần	1.500.000	1.000.000	Chưa quy định	1.500.000	1.000.000	700.000	2.000.000				Bổ sung cho cấp xã; cấp tỉnh, cấp huyện đã được quy định tại NQ số 48/2016	
-	Ủy viên Thường trực HĐND tặng quà cho cá nhân mức cao nhất không quá	Đồng/lần	700.000	500.000	Chưa quy định	700.000	500.000	350.000	500.000					
-	Nội dung đề nghị bổ sung													
-	Tặng quà Đại biểu HĐND khi kết thúc nhiệm kỳ, chuyển vùng, nghỉ chế độ.	Đồng/người/nhiệm kỳ	Chưa quy định			2.000.000	1.500.000	1.000.000			3.000.000	2.000.000	1.000.000	Nội dung chi này, một số tỉnh do Thường trực HĐND quyết định

⁹ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Quốc hội không quy định cụ thể mà theo kế hoạch, chương trình công tác. Mức tặng quà trên áp dụng đối với Ủy viên UBTWQH, Chủ tịch HĐND, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội tặng cho tập thể.

¹⁰ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Quốc hội không quy định cụ thể mà theo kế hoạch, chương trình công tác. Mức tặng quà trên áp dụng đối với Ủy viên UBTWQH, Chủ tịch HĐND, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội tặng cho cá nhân.